

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀ VANG
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**
Số: 50/2022/QĐST-HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Hòa Vang, ngày 05 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ VANG - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/02/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 61/2022/TLST-HNGĐ, ngày 16/6/2022, về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Ông **Nguyễn Anh T**, sinh năm: 1981;

+ Bà **Trần Thị Kim T1**, sinh năm: 1986;

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Anh T và bà Trần Thị Kim T1 xây dựng gia đình vào ngày 24/12/2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Tiến, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 180/2013, Quyền số 01/2013. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn ông, bà sống tại thôn Phú Sơn 2, xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm do đó không còn tình cảm. Nay ông T và bà T1 yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Anh T và bà Trần Thị Kim T1 xác định có 03 con chung và thỏa thuận về việc nuôi con như sau:

Giao con chung Nguyễn Anh Tú, sinh ngày: 14/8/2018; Nguyễn Anh Cát Tường, sinh ngày: 15/11/2021; Nguyễn Anh Vạn Tường, sinh ngày: 15/11/2021 cho bà Trần Thị Kim T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Anh T cấp dưỡng nuôi 03 con mỗi tháng 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng), mỗi một người con là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 7/2022 và vào ngày cuối tháng.

[3] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Anh T và bà Trần Thị Kim T1 không yêu cầu giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Nguyễn Anh T và bà Trần Thị Kim T1 xác định không nợ ai.

[5] Lệ phí Tòa án: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), ông Nguyễn Anh T và bà Trần Thị Kim T1 tự nguyện chịu.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Anh T và bà Trần Thị Kim T1.

+ Về con chung: Ông Nguyễn Anh T và bà Trần Thị Kim T1 thỏa thuận về việc nuôi con chung như sau:

Giao 03 con chung: Nguyễn Anh Tú, sinh ngày: 14/8/2018; Nguyễn Anh Cát Tường, sinh ngày: 15/11/2021; Nguyễn Anh Vạn Tường, sinh ngày: 15/11/2021 cho bà Trần Thị Kim T1 trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Anh T cấp dưỡng nuôi 03 con mỗi tháng 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng), mỗi một người con là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 7 năm 2022 và vào ngày cuối tháng.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, người được thi hành án có đơn yêu cầu mà người phải thi hành án không thi hành thì phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Các bên vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Ông Nguyễn Anh T và bà Trần Thị Kim T1 không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đề cập giải quyết.

+ Về nợ chung: Ông Nguyễn Anh Tuấn và bà Trần Thị Kim Tịnh xác định không nợ ai nên Tòa án không đề cập giải quyết.

2. Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), ông Nguyễn Anh T và bà Trần Thị Kim T1 tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0004383 ngày 16/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Ông T và bà T1 đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND xã Hòa Tiến, h. Hòa Vang, Tp. Đà Nẵng
(Giấy chứng kết hôn số 180/2013 ngày 24/12/2013);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Hoài Sơn